

# Quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn 2010-2020

Nguyễn Anh Chương\*

Nhận ngày 24 tháng 8 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 11 năm 2022.

**Tóm tắt:** Trong giai đoạn 2010-2020, quan hệ thương mại và hợp tác đầu tư giữa Việt Nam - Trung Quốc tiếp tục có những bước phát triển vượt bậc. Đây cũng là giai đoạn phát triển nhất trong lịch sử quan hệ kinh tế giữa hai nước kể từ năm 1991 đến nay. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển thì những hạn chế, bất cập, khó khăn trong trao đổi thương mại, hợp tác đầu tư giữa hai nước được bộc lộ ở mức độ cao hơn. Trong mối quan hệ song phương này, Việt Nam chính là nước chịu nhiều ảnh hưởng từ vấn đề nhập siêu, những hạn chế, bất cập trong hợp tác đầu tư với Trung Quốc. Bài viết đánh giá tổng thể về quan hệ thương mại, đầu tư Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2010-2020; bước đầu đưa ra một số kết luận nội dung sau: Việt Nam cần phải chủ động cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh trong quan hệ thương mại và đầu tư với Trung Quốc.

**Từ khóa:** Việt Nam, Trung Quốc, thương mại, đầu tư, quan hệ.

**Phân loại ngành:** Sử học

**Abstract:** In the period of 2010 - 2020, the trade relations and investment cooperation between Vietnam and China achieved a remarkable development. That was also the most developed period in the history of economic relations between the two countries since 1991. However, along with the development, many limitations, inadequacies and difficulties in trade exchange and investment cooperation between the two countries were also revealed at a higher level. In the bilateral relationship, Vietnam was under impact from the import surplus, limitations, and inadequacies in investment cooperation with China. The article provides overall assessment of Vietnam - China trade and investment relations in the period 2010 – 2020, and initial conclusions of Vietnam's need to proactively improve and enhance its competitiveness in the trade and investment relations with China.

**Keywords:** Vietnam, China, trade, investment, relations.

**Subject classification:** History

## 1. Mở đầu

Bước vào thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI (giai đoạn 2010-2020), quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và thách thức. Sự phát triển năng động của khu vực châu Á nói chung, Đông Nam Á nói riêng trở thành điểm thu hút sự quan tâm của nhiều nước. Một số nước lớn như Mỹ, Nga... tiếp tục tăng cường vai trò, ảnh hưởng của mình thông qua thúc đẩy quan hệ chính trị, thương mại và đầu tư với các đối tác quan trọng. Là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ, Trung Quốc không ngừng thúc đẩy quan hệ hợp tác với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Trong những năm qua, cùng với tình hình chính trị ổn định, kinh tế không ngừng phát triển, Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng ở tất cả các lĩnh vực trong xu thế chung của thế giới. Việc ký kết và tham gia nhiều cơ chế, khuôn khổ hợp tác về kinh tế đã tạo điều kiện cho Việt Nam thúc đẩy quan hệ với các nước, trong đó có quan hệ thương mại và đầu tư với Trung Quốc. Hiện nay, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, đồng thời Việt Nam đã trở thành một trong những thị trường xuất khẩu lớn của Trung Quốc.

Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc nói chung, quan hệ hợp tác về thương mại và đầu tư nói riêng, là chủ đề thu hút sự quan tâm của các học giả, nhà nghiên cứu. Tác giả Thái Bình (2019) nhận xét

---

\* Trường Đại học Vinh.

Email: chuongna@vinhuni.edu.vn

trong lịch sử quan hệ ngoại thương của Việt Nam, Trung Quốc là đối tác thương mại đầu tiên cán mốc 100 tỷ đô la (USD) khi kim ngạch thương mại của hai nước đạt 106,90 tỷ USD vào năm 2018. Tính đến cuối năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19 nhưng tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam đạt 545,35 tỷ USD, trong đó, kim ngạch xuất nhập khẩu với Trung Quốc đạt hơn 133,09 tỷ USD, chiếm khoảng 24,4% (gần 1/4) tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2021). Đối với lĩnh vực đầu tư, Kiều Linh (2020) nhận định quan hệ đầu tư giữa hai nước trong những năm gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực cả về số lượng và quy mô. Các dự án đầu tư của Trung Quốc hiện xếp ở vị trí thứ 3 về số lượng dự án đầu tư (3.134 dự án), xếp ở vị trí thứ 7 về tổng số vốn đăng ký đầu tư (hơn 18,6 tỷ USD) trong số hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp tại Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2021). Ở chiều ngược lại, đầu tư trực tiếp của Việt Nam tại Trung Quốc cũng đã có những cải thiện đáng kể so với trước đây (Nguyễn Anh Chương, Đồng Vi Dân, 2011) đã có nhận định, quan hệ hợp tác thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Trung Quốc đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước; giúp cho sự nghiệp đổi mới của Việt Nam và cải cách mở cửa ở Trung Quốc tiếp tục đạt được nhiều thành tựu.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra trong quan hệ kinh tế giữa hai nước là tình trạng mất cân bằng trong kim ngạch thương mại hai chiều; quy mô, tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam còn nhiều bất cập; cạnh tranh đầu tư của Việt Nam tại thị trường Trung Quốc vẫn còn gặp khó khăn. Những hạn chế này đã, đang và sẽ tiếp tục gây nên bất lợi đối với quan hệ bền vững giữa Việt Nam và Trung Quốc (Nhiệm Quý Tường, 2020).

Thực trạng của quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2010-2020 như thế nào? Đây là nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế? Những vấn đề này cần được tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu. Kế thừa những kết quả nghiên cứu có liên quan, bài viết tập trung phân tích về sự tiến triển cũng như hạn chế trong quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam - Trung Quốc (2010-2020); trên cơ sở đó đưa ra một số kết luận, nguyên nhân chủ yếu của thành tựu và hạn chế, những vấn đề cần quan tâm nhằm tiếp tục thúc đẩy phát triển quan hệ giữa hai nước.

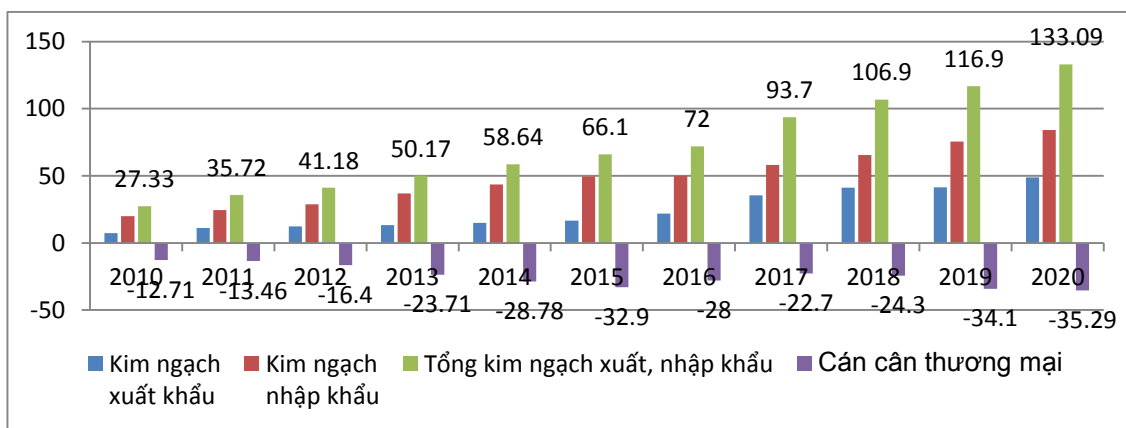
## 2. Sự phát triển của quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam - Trung Quốc (2010-2020)

### 2.1. Quan hệ thương mại

Với sự nỗ lực của hai nước, trong giai đoạn 2010-2020, quan hệ hợp tác thương mại Việt Nam - Trung Quốc không ngừng phát triển về tốc độ tăng trưởng, quy mô trao đổi hàng hóa. Lĩnh vực hợp tác này tiếp tục là “điểm sáng” đóng vai trò quan trọng trong quan hệ chung giữa hai nước.

Biểu 1: Kim ngạch thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn 2010-2020

Đơn vị tính: tỷ USD



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê (2021) và một số tài liệu tham khảo trong bài viết.

Biểu 1 cho thấy, trong giai đoạn 2010-2020, giá trị tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đạt hơn 801,73 tỷ USD. Kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân hàng năm giữa hai nước trong giai đoạn này khoảng 80,173 tỷ USD, tăng gấp nhiều lần so với thời kỳ trước năm 2010 (Bùi Thị Minh Nguyệt, Trần Văn Hùng và Lê Thị Mai Hương, 2016, tr.175-176; Tổng cục Thống kê, 2021). Trong đó, tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 264,69 tỷ USD, bình quân hàng năm là 26,469 tỷ USD; tổng giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc là 537,04 tỷ USD, bình quân hàng năm là 53,704 tỷ USD. Cụ thể, nếu như tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước năm 2010 mới chỉ hơn 27,33 tỷ USD (trong đó xuất khẩu 7,31 tỷ USD, nhập khẩu 20,02 tỷ USD) (Tổng cục Thống kê, 2021), thì đến năm 2015 đã đạt con số là 66,10 tỷ USD (trong đó xuất khẩu 16,60 tỷ USD, nhập khẩu 49,50 tỷ USD) (Tổng cục Thống kê, 2016: 512). Trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng kim ngạch thương mại giữa hai nước vẫn tăng trưởng mạnh mẽ, đạt mức 133,09 tỷ USD, tăng 16,19 tỷ USD so với năm 2019 (116,90 tỷ USD); trong đó xuất khẩu đạt 48,90 tỷ USD, tăng 7,5 tỷ USD so với năm 2019 (41,40 tỷ USD), nhập khẩu đạt 84,19 tỷ USD, tăng 8,69 tỷ USD so với năm 2019 (75,50 tỷ USD) (Thái Bình, 2019). Năm 2020 cũng là năm thứ 3 liên tiếp, trao đổi thương mại của hai nước tiếp tục duy trì mức kỷ lục đạt trên 100 tỷ USD mỗi năm (năm 2018 là 106,90 tỷ USD, năm 2019 là 116,90 tỷ USD và năm 2020 là 133,09 tỷ USD). Tốc độ tăng trưởng kim ngạch thương mại giữa hai nước trong giai đoạn 2010-2020 đã có sự bứt phá mạnh mẽ. Năm 2010, kim ngạch thương mại của hai nước mới chỉ có 27,33 tỷ USD, nhưng đến năm 2020, con số này đã lên đến 133,09 tỷ USD, tăng 4,8 lần. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 48,90 tỷ USD, tăng 6,6 lần; nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc là 84,19 tỷ USD, tăng 4,2 lần so với thời điểm năm 2010. Trong quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc, ngoài hoạt động buôn bán chính ngạch qua cửa khẩu quốc gia, quốc tế, hoạt động buôn bán, trao đổi thương mại biên giới giữa hai nước cũng diễn ra sôi động. Kim ngạch thương mại theo hình thức này chiếm một tỷ trọng đáng kể và đóng góp quan trọng đối với tổng kim ngạch thương mại của hai nước. Theo thống kê từ phía Trung Quốc, trong năm 2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa tỉnh Quảng Tây với Việt Nam đạt khoảng 27,08 tỷ USD, chiếm tới 36,4% tổng kim ngạch ngoại thương của Quảng Tây. Trong đó, xuất khẩu sang Việt Nam chiếm 49,62% tổng xuất khẩu của Quảng Tây ra các nước, nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 19,43% tổng nhập khẩu từ các nước của Quảng Tây (Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Trong hơn 200 quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ thương mại với Việt Nam, Trung Quốc trong nhiều năm liền và cho đến hiện nay vẫn là nước xếp trên Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản... tiếp tục là thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam.

## 2.2. Hợp tác đầu tư

*Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam.* Cùng với thương mại, quan hệ hợp tác đầu tư giữa Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2010-2020 cũng có tiến triển nhất định. Điều này được thể hiện thông qua quy mô, số lượng các dự án đầu tư, phương thức đầu tư, phân bố lĩnh vực, ngành nghề và địa bàn đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam.

Bảng 1: Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020

Năm	Số dự án đầu tư của Trung Quốc	Số vốn đăng ký của Trung Quốc (tỷ USD)	Tổng vốn đăng ký đầu tư của các nước tại Việt Nam (tỷ USD)	Trung Quốc chiếm tỷ trọng đầu tư tại Việt Nam (%)
2016	283	2,13	26,89	7,92
2017	295	2,14	37,10	5,76

2018	408	2,53	36,37	6,95
2019	705	4,12	38,95	10,57
2020	360	2,61	31,05	8,40
Tổng cộng	2.051	13,53	170,36	7,94

*Nguồn:* Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê (2021) và một số tài liệu tham khảo trong bài viết.

Quy mô, số lượng các dự án đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam luôn được duy trì và có sự tăng trưởng hàng năm. Số dự án đầu tư trực tiếp của Trung Quốc được Việt Nam cấp giấy phép tính theo lũy kế từ các giai đoạn trước đó đến năm 2015 là 1.296 dự án, tổng số vốn đăng ký đầu tư là 10,17 tỷ USD. Theo số liệu tại bảng 1, trong năm 2016, Trung Quốc đã có 283 dự án đầu tư mới được Việt Nam cấp phép thực hiện, với tổng số vốn đăng ký là 2,13 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2016: 149). Trong năm 2019, Trung Quốc có thêm 705 dự án đầu tư mới ở các lĩnh vực khác nhau được cấp phép, với tổng số vốn đăng ký là 4,12 tỷ USD; tăng 422 dự án và 1,99 tỷ USD vốn đăng ký so với năm 2016. Tổng số các dự án đầu tư của Trung Quốc tính theo lũy kế còn hiệu lực đến năm 2019 là 2.826 dự án, số vốn đăng ký đầu tư là 16,28 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2019: 278). Đến hết năm 2020, Trung Quốc đã đầu tư tổng cộng 3.134 dự án với số vốn đăng ký đầu tư hơn 18,6 tỷ USD, trong đó số dự án đăng ký mới được cấp phép trong năm 2020 là 360 dự án với hơn 2,61 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2021: 286). Như vậy, chỉ tính trong giai đoạn 2016-2020, tổng số dự án đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đã tăng thêm 2.051 dự án (trung bình mỗi năm có 410 dự án), số vốn đăng ký đầu tư là 13,53 tỷ USD (trung bình mỗi năm đạt 2,70 tỷ USD). Năm 2016, vốn đăng ký của Trung Quốc chiếm 7,92% trong tổng số vốn đăng ký đầu tư tại Việt Nam, năm 2019 đã lên đến 10,57%; trung bình giai đoạn 2016-2020, số vốn đăng ký của Trung Quốc chiếm tỷ trọng 7,94%. Với sự tăng trưởng đầu tư trực tiếp trong giai đoạn này, năm 2020, Trung Quốc xếp ở vị trí thứ 3 về số lượng các dự án đầu tư (3.134 dự án), xếp ở vị trí thứ 7 về tổng số vốn đăng ký đầu tư (hơn 18,6 tỷ USD) tại Việt Nam (Kiều Linh, 2020; Tổng cục Thống kê, 2021).

Phương thức đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam khá đa dạng, phù hợp với các cơ chế, chính sách của hai nước. Các dự án, công trình đầu tư chủ yếu được ký kết và cấp phép triển khai thực hiện bao gồm: nhóm các dự án có vốn đầu tư 100% của Trung Quốc; nhóm các dự án có vốn đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO) giữa chính phủ, các nhà đầu tư, doanh nghiệp của Trung Quốc với chính phủ, các nhà đầu tư, doanh nghiệp của Việt Nam; nhóm các dự án đầu tư theo phương thức liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư của Trung Quốc với các doanh nghiệp, nhà đầu tư của Việt Nam; nhóm các dự án đầu tư theo phương thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp, công ty cổ phần của Việt Nam (bằng tiền, công nghệ, máy móc...).

Các lĩnh vực, ngành nghề đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam đã có những chuyển đổi đáng kể. Trước đây, Trung Quốc chỉ tập trung đầu tư vào một số lĩnh vực truyền thống như dịch vụ khách sạn, nhà hàng, sản xuất hàng tiêu dùng, gia công nhỏ lẻ... với số vốn đầu tư của mỗi dự án ở mức độ vừa phải. Tuy nhiên, trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, Trung Quốc đã bắt đầu mở rộng đầu tư sang một số lĩnh vực, ngành nghề khác, bao gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất phân phối điện, khí, nước, điều hòa, xây dựng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng... Một số lĩnh vực mới trước đây chưa có như: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chế biến thủy hải sản, công nghiệp khai khoáng... cũng đã được Trung Quốc quan tâm tìm hiểu và bước đầu tiến hành đầu tư.

Việc phân bố địa bàn, khu vực đầu tư cũng được mở rộng so với trước. Trước năm 2010, các dự án đầu tư của Trung Quốc chủ yếu triển khai tập trung tại các tỉnh, thành phố lớn. Từ năm 2010 đến nay, Trung Quốc đã từng bước khảo sát, tìm hiểu và mở rộng các dự án đầu tư hầu hết tại các tỉnh, thành phố của Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung tại các tỉnh biên giới có khu kinh tế cửa khẩu, ven biển, các thành phố đông dân, có sức thu hút lao động, có cơ sở hạ tầng tốt, thuận lợi cho xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như giao thương đi lại giữa hai nước, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang, thành phố Đà Nẵng, Bình Dương, Long An, một số địa phương ở khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp Trung Quốc tập trung đầu tư vào một số khu công nghiệp có điều kiện tốt như Đình Vũ (Hải Phòng), Hòa Phú (Bắc Giang), Nam Tân Uyên (Bình Dương) và Châu Đức (Bà Rịa - Vũng Tàu)...

*Đầu tư trực tiếp của Việt Nam tại Trung Quốc.* Mặc dù gặp không ít khó khăn, nhưng tình hình đầu tư của Việt Nam tại Trung Quốc trong những năm gần đây đã được cải thiện đáng kể. Số dự án đầu tư trực tiếp của Việt Nam tại Trung Quốc tính theo lũy kế các dự án còn hiệu lực đến năm 2017 là 20 dự án, tổng số vốn đăng ký đầu tư là 15,5 triệu USD; năm 2018 là 24 dự án với số vốn đăng ký 29,8 triệu USD; năm 2019 là 28 dự án với số vốn đăng ký 33,2 triệu USD. Đến hết năm 2020, số dự án đầu tư của Việt Nam là 28 dự án, tổng số vốn đăng ký 26,6 triệu USD (Tổng cục Thống kê, 2021: 294), bình quân mỗi dự án đạt gần 1 triệu USD. Đầu tư của Việt Nam chủ yếu là các dự án với quy mô vừa phải, nguồn vốn có hạn, tập trung vào một số lĩnh vực như nông sản, thủy sản, bán buôn, bán lẻ... Phần lớn các dự án đầu tư của Việt Nam tại Trung Quốc được triển khai thực hiện ở một số địa phương gần với biên giới Việt Nam.

### **3. Một số hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, quan hệ thương mại và hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2010-2020 còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Những bất cập đó không những kìm hãm, tác động đến quan hệ kinh tế mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững quan hệ giữa hai nước.

*Một là,* sự mất cân bằng trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc, trong đó đáng quan tâm là vấn đề nhập siêu của Việt Nam. Như đã trình bày, quy mô kim ngạch thương mại Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2010-2020 có sự tăng trưởng mạnh mẽ, nhưng cán cân thương mại khá chênh lệch. Tỷ trọng đóng góp chủ yếu cho quy mô tăng trưởng này chủ yếu xuất phát từ việc Việt Nam nhập khẩu số lượng lớn hàng hóa của Trung Quốc. Cán cân thương mại liên tục ở mức âm và có xu hướng tăng thêm hàng năm đối với Việt Nam, nhất là từ năm 2010 đến nay. Theo thống kê, tổng nhập siêu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc giai đoạn 2010-2020 khoảng 272,35 tỷ USD, trung bình mỗi năm nhập siêu khoảng hơn 24,75 tỷ USD. Tại thời điểm năm 2010, thâm hụt thương mại của Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc là 12,71 tỷ USD. Con số này tiếp tục tăng cao vào các năm sau đó, cụ thể: năm 2015 hơn 32,90 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2021), năm 2019 hơn 34,10 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2019: 159), năm 2020 đã lên đến con số 35,29 tỷ USD (Nhiệm Quý Tường, 2020: 37). Năm 2020, thâm hụt thương mại của Việt Nam tăng thêm 22,58 tỷ USD so với năm 2010. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc là nước liên tục xuất siêu sang thị trường Việt Nam trong nhiều năm qua.

So sánh khác cho thấy, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng do dịch Covid-19, nhưng tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam với các đối tác thương mại trên thế giới vẫn tăng trưởng mạnh, trong đó Việt Nam đạt giá trị xuất siêu khoảng 10,83 tỷ USD trong năm 2019 và 19,95 tỷ USD trong năm 2020. Tuy nhiên, Việt Nam lại nhập siêu từ Trung Quốc tổng cộng khoảng 69,39 tỷ USD trong các năm 2019 và 2020 (Tổng cục Thống kê, 2021). Có thể thấy, ngoại thương của Việt Nam phụ thuộc không nhỏ vào mức độ nhập siêu từ Trung Quốc. Số lượng nhập siêu này đã và đang ảnh hưởng

đến quan hệ kinh tế nói chung, quan hệ thương mại bền vững giữa Việt Nam và Trung Quốc. Cân bằng cán cân thương mại, từng bước giảm dần tỷ trọng nhập siêu của Việt Nam trong quan hệ thương mại với Trung Quốc là vấn đề cần được quan tâm.

*Hai là*, trao đổi thương mại khu vực biên giới còn hạn chế, chưa phát huy hết lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng vốn có của hai nước. Kim ngạch thương mại giữa các địa phương của Việt Nam (Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh) với các địa phương của Trung Quốc (tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang - Quảng Tây) còn thấp, chủ yếu là Việt Nam nhập khẩu hàng hóa từ phía Trung Quốc. Phần lớn các doanh nghiệp xuất nhập khẩu đều có quy mô nhỏ, hàng hóa lưu chuyển hạn chế. Cơ sở hạ tầng về giao thông vận tải, bến bãi, kho hàng tạm nhập tái xuất, hệ thống thông tin, dịch vụ hỗ trợ và các điều kiện đảm bảo khác chưa đồng bộ, hoàn thiện. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển lưu thông hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng diễn ra khá phổ biến và ngày càng phức tạp ở khu vực biên giới của hai nước (Nguyễn Anh Chương, 2022). Nó không những tác động đến chất lượng, sự bền vững trong quan hệ kinh tế mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đối với an ninh, chính trị, văn hóa - xã hội giữa hai nước.

*Ba là*, mặc dù đã phát triển khá nhanh trong khoảng 5 năm gần đây, nhưng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vẫn còn khiêm tốn nếu so với một số nước khác có đầu tư tại Việt Nam. Số liệu tại bảng 1 cũng thể hiện, trong giai đoạn 2016-2020, tổng số dự án đăng ký đầu tư của Trung Quốc có xu hướng tăng nhanh với 2.051 dự án nhưng số vốn đăng ký chỉ đạt 13,53 tỷ USD. Tính đến năm 2020, Trung Quốc có 3.134 dự án đầu tư tại Việt Nam nhưng tổng số vốn đăng ký chỉ hơn 18,6 tỷ USD. Trong khi đó, vào năm 2019, Nhật Bản có 4.402 dự án đầu tư tại Việt Nam với số vốn đăng ký lên đến hơn 59,36 tỷ USD; Singapore có 2.424 dự án đầu tư với số vốn đăng ký lên đến hơn 49,77 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2019: 278). Dễ dàng nhận thấy, quy mô vốn đầu tư của các nước này vượt xa so với Trung Quốc.

Tiến độ theo cam kết triển khai thực hiện và chất lượng các dự án đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam là một vấn đề nan giải từ nhiều năm nay. Các dự án đầu tư thường chậm trễ trong tiến độ thực hiện. Có tài liệu cho rằng, khoảng một nửa số dự án đầu tư của Trung Quốc không hoàn thành tiến độ kế hoạch cam kết đã đưa ra ban đầu. Trình độ kỹ thuật, công nghệ, chất lượng các công trình, dự án đầu tư chưa thể so sánh với một số nước khác cùng đầu tư tại Việt Nam như: Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc (Nguyễn Anh Chương, 2016a: 169).

*Bốn là*, tình hình đầu tư của Việt Nam tại Trung Quốc vẫn còn rất khiêm tốn, chưa tương xứng với những điều kiện thuận lợi vốn có của hai nước. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do mô hình phát triển của hai nước có nhiều điểm tương đồng; tiềm lực, trình độ của các công ty, doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế, khó cạnh tranh với các doanh nghiệp Trung Quốc cũng như các nhà đầu tư của nước khác tại Trung Quốc (Nguyễn Anh Chương, 2016b, tr.86; Nhiệm Quý Tường, 2020: 37).

#### 4. Kết luận

Trên cơ sở khảo sát, phân tích thực tiễn quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2010-2020, bước đầu chúng tôi có một số kết luận:

*Thứ nhất*, đây là sự tiếp nối các giai đoạn quan hệ kinh tế trước đó, nằm trong dòng chảy quan hệ của hai nước từ sau năm 1991 đến nay. Quá trình thúc đẩy quan hệ hợp tác và những thành tựu đạt được về thương mại, đầu tư giai đoạn 2010-2020 được thực hiện dựa trên nền tảng vững chắc của quan hệ thời kỳ trước đó. Trong giai đoạn này, quan hệ thương mại và đầu tư ít nhiều chịu ảnh hưởng hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp của quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước. Rõ nhất là kể từ sau năm 2015, khi quan hệ chính trị - ngoại giao tiếp tục được đẩy mạnh, đánh dấu bởi chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào tháng 4/2015 (Báo Điện tử Chính phủ, 2015)

và chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình vào tháng 11/2015 (Bình Minh, 2017), thì hợp tác kinh tế giữa hai nước phát triển nhanh chóng. Điều này cho thấy, yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho quan hệ hợp tác kinh tế phát triển chính là quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước. Đây được xem là nền tảng của quan hệ Việt Nam - Trung Quốc từ trước đến nay, kể cả những giai đoạn tiếp theo.

*Thứ hai*, quan hệ kinh tế giữa hai nước trong giai đoạn này đã có sự bứt phá mạnh mẽ kể cả về số lượng và chất lượng, là giai đoạn phát triển nhất kể từ sau năm 1991. Quan hệ hợp tác về thương mại, đầu tư giữa hai bên ngày càng đi vào chiều sâu và thực chất hơn. Trong đó, tình hình trao đổi thương mại hai chiều được coi là điểm sáng của quá trình hợp tác. Quy mô, giá trị và tổng kim ngạch thương mại hàng hóa năm sau luôn cao hơn năm trước. Trao đổi thương mại giữa các địa phương khu vực biên giới của hai nước tiếp tục phát triển, ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong tổng thể quan hệ kinh tế giữa hai nước. Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu trong 10 năm (2010-2020) là 801,73 tỷ USD. Con số này cao hơn tất cả các giai đoạn trước đó (giai đoạn 1991-2000 và 2001-2009) cộng lại. Cùng với đó, lĩnh vực đầu tư cũng đã có những thay đổi nhất định. Số lượng, quy mô các dự án đầu tư dần được cải thiện, một số dự án có số vốn đăng ký tương đối, kế hoạch đầu tư lâu dài đã được triển khai; đã bắt đầu có sự mở rộng, dịch chuyển về lĩnh vực, địa bàn đầu tư; các hình thức đầu tư cũng đa dạng hơn trước. Điều này cho thấy, Trung Quốc đã bắt đầu nhận thấy những ưu thế của thị trường đầu tư tại Việt Nam, nhất là kể từ khi Việt Nam tham gia sâu vào các khuôn khổ, cơ chế hợp tác khu vực và thế giới.

*Thứ ba*, một số hạn chế, bất cập mang tính “cổ hữu” trong quan hệ kinh tế giữa hai nước ở thời kỳ trước chưa được khắc phục mà vẫn tiếp tục bộc lộ, thậm chí ở mức độ cao hơn trong giai đoạn 2010-2020. Đó là vấn đề mất cân bằng nghiêm trọng trong cán cân thương mại hai chiều, trong đó Việt Nam là nước chịu thiệt thòi do nhập siêu từ Trung Quốc. Có thể nói, quy mô, nguồn vốn, công nghệ, tiến độ thực hiện, chất lượng đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề. Ở chiều ngược lại, tình hình đầu tư trực tiếp của Việt Nam tại Trung Quốc tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn còn gặp khó khăn (Nguyễn Anh Chương, 2022). Những hạn chế này cũng được xem là đặc trưng của quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ tư*, những thành tựu, hạn chế, bất cập trong quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Trung Quốc xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Về nguyên nhân của thành tựu, Đảng và nhà nước hai bên luôn quan tâm coi trọng quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước; đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, cơ chế phù hợp thúc đẩy quan hệ hợp tác, nhất là về quan hệ kinh tế. Cả Trung Quốc và Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi, phát triển, vì vậy, nhiều lĩnh vực hợp tác về kinh tế có thể bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Thị trường Việt Nam cần nhiều hàng hóa từ Trung Quốc, ngược lại Trung Quốc cũng có nhiều lợi thế trong trao đổi hàng hóa với Việt Nam. Sự gần gũi về địa lý, truyền thống quan hệ và những điểm tương đồng về văn hóa - xã hội cũng là nguyên nhân quan trọng thúc đẩy quan hệ hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam - Trung Quốc không ngừng phát triển. Ngoài ra, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng đối với các khu vực, các nước hiện nay chính là nguyên nhân khách quan tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác của hai nước. Về nguyên nhân của hạn chế, mặc dù hai nước đã có quá trình quan hệ hợp tác lâu dài nhưng vẫn chưa hoàn thiện một số điều kiện đảm bảo hợp tác toàn diện. Khung pháp lý, hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến quan hệ kinh tế giữa hai nước còn thiếu đồng bộ. Một số chủ trương, chính sách của hai Đảng và hai nhà nước, nhất là về hợp tác kinh tế, chưa được triển khai đạt hiệu quả như mong muốn. Tiềm lực kinh tế giữa hai nước còn có sự chênh lệch, nên trong hợp tác kinh tế còn tồn tại nhiều bất cập. Sự mất cân bằng trong cán cân thương mại chủ yếu là do giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu. Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều mặt hàng có giá trị lớn từ

Trung Quốc, trong khi lại xuất khẩu các mặt hàng có giá trị thấp hơn. Trung Quốc chưa thực sự coi thị trường Việt Nam là thị trường chiến lược nên lĩnh vực đầu tư, vẫn còn hạn chế so với tiềm lực của nước này (Nguyễn Anh Chương, 2011: 145). Ngoài ra, tình hình suy thoái kinh tế thế giới, đại dịch Covid-19 cũng đã ảnh hưởng đến quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước.

*Thứ năm*, trong lịch sử quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc, nếu như quan hệ chính trị - ngoại giao là cơ sở, nền tảng cho các lĩnh vực quan hệ khác thì quan hệ kinh tế là bằng chứng sinh động củng cố và phát triển mối quan hệ này. Quan hệ giữa hai nước chỉ có thể được phát triển khi thực tiễn nhu cầu hợp tác được hiện thực hóa một cách thực chất, hiệu quả, thỏa mãn lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Là những quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi mô hình phát triển, Việt Nam và Trung Quốc đều có nhu cầu hợp tác rất lớn, có các điều kiện thuận lợi nhất định. Hai nước có thể bổ sung lẫn nhau trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của mỗi nước. Những thành tựu đạt được của quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước trong giai đoạn 2010-2020 đã chứng minh điều đó.

Để tiếp tục thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam - Trung Quốc phát triển nhanh chóng và bền vững, chúng tôi cho rằng: 1) Việt Nam cần tích cực, chủ động trao đổi với phía Trung Quốc để phối hợp thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong quan hệ kinh tế giữa hai nước hiện nay; ưu tiên giải quyết vấn đề mất cân bằng trong quan hệ thương mại, nhất là tình trạng nhập siêu của Việt Nam; 2) Tiến hành phân tích, đánh giá tổng thể trên cơ sở các luận cứ khoa học và thực tiễn đối với thực trạng, nguyên nhân, ảnh hưởng, xu hướng vận động của quan hệ kinh tế với Trung Quốc. Trên cơ sở đó, xây dựng mục tiêu, chiến lược, hệ thống các giải pháp có tính khả thi, căn cơ, lâu dài trong quan hệ với Trung Quốc; 3) Cần thúc đẩy phát triển nền kinh tế trong nước, nâng cao tiềm lực, trình độ, năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong quan hệ thương mại và đầu tư với Trung Quốc.

### Tài liệu tham khảo

Báo Điện tử Chính phủ. (9/4/2015). Hội đàm cấp cao hai Tổng Bí thư Việt Nam - Trung Quốc. <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Hoi-dam-cap-cao-hai-Tong-Bi-thu-Viet-Nam-Trung-Quoc/224316.vgp>

Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. (2/8/2021). Thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Quảng Tây (Trung Quốc). *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/thuc-day-quan-he-kinh-te-thuong-mai-viet-nam-quang-tay-trung-quoc-587018.html>

Bùi Thị Minh Nguyệt, Trần Văn Hùng & Lê Thị Mai Hương. (2016). “Thương mại Việt Nam - Trung Quốc: thực trạng và giải pháp”. *Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*. Số 2.

Bình Minh. (12/11/2017). Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc bắt đầu chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam. *Cổng Thông tin điện tử Chính phủ*. <http://baochinhphu.vn/Doi-ngoai/Tong-Bi-thu-Chu-tich-nuoc-Trung-Quoc-bat-dau-chuyen-tham-cap-Nha-nuoc-toi-Viet-Nam/321728.vgp>

Kiều Linh. (19/11/2020). Vốn Trung Quốc tăng tốc vào Việt Nam: thận trọng nhưng không nên bài xích. *Kinh tế điện tử*. <https://vneconomy.vn/von-trung-quoc-tang-toc-va-viet-nam-than-trong-nhung-khong-nen-bai-xich.htm>

Nguyễn Anh Chương. (2016a). *Một số vấn đề về cải cách, mở cửa của Trung Quốc*. Nxb. Đại học Vinh.

Nguyễn Anh Chương. (2016b). Trung Quốc trong một số khuôn khổ hợp tác ASEAN. *Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 1 (190).

Nguyễn Anh Chương. (2011). *Nghiên cứu quan hệ kinh tế, thương mại Trung Quốc - Việt Nam từ sau bình thường hóa quan hệ*. [Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Nam Kinh, Trung Quốc].

Nguyễn Anh Chương. (2022). Vấn đề mất cân bằng trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2010-2020. *Khoa học Xã hội và Nhân văn*. t.8. Số 4.



Nguyễn Anh Chương, Đồng Vi Dân. (2011). Thảo luận về vấn đề nhập siêu của Việt Nam trong quan hệ thương mại Việt - Trung. *Giới lý luận*, kỳ thứ 5.

Nhiệm Quý Tường. (2020). Thử luận về thành tựu và ý nghĩa của quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư Trung - Việt từ năm 2010 đến nay. *Nghiên cứu Đông Nam Á*, kỳ thứ 8.

Thái Bình. (13/12/2019). Giao thương với Trung Quốc vượt 100 tỷ USD, Việt Nam nhập siêu hơn 31 tỷ USD. *Cổng Thông tin điện tử Hải quan*. <https://haiquanonline.com.vn/giao-thuong-voi-trung-quoc-vuot-100-ty-usd-viet-nam-nhap-sieu-hon-31-ty-usd-117065.html>

Tổng cục Thống kê. (2016). *Niên giám Thống kê*. Nxb. Thống kê.

Tổng cục Thống kê. (2019). *Niên giám Thống kê*. Nxb. Thống kê.

Tổng cục Thống kê. (2021). *Niên giám Thống kê*. Nxb. Thống kê.

Tổng cục Thống kê. (nd). *Thương mại và dịch vụ*. <https://www.gso.gov.vn/thuong-mai-dich-vu/>

Tổng cục Thống kê. (nd) *Đầu tư và xây dựng*. <https://www.gso.gov.vn/dau-tu-va-xay-dung/>